TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 553/2026/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 920/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026 về việc *"Ly hôn"*, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân T - sinh ngày 29/12/1976;

Số CCCD: 056176001085, ngày cấp 19/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH;

Nơi cư trú: Thôn A (nay là Thôn A), xã V, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn L - sinh ngày 12/10/1969;

Số CCCD: 052069015648, ngày cấp 02/6/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH;

Nơi cư trú: Thôn A (nay là Thôn A), xã V, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Tấn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung là Lê Tấn V - sinh ngày 23 tháng 5 năm 2009 cho bà Nguyễn Thị Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến con

chung đủ 18 (mười tám) tuổi; bà T không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà T, ông L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Tấn L đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân T tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000484 ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 02, ngày 18/3/2008).
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT, AV.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng